TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 03 /2020/KDTM-PT
Ngày 07-9-2020
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng, yêu cầu tuyên bố hợp đồng thế chấp bất động sản vô hiệu

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Xuân Sơn;

Các thẩm phán: Ông Lộc Sơn Thái;

Ông Cao Đức Chiến.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Chu Thị Kiều - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa***: Bà Mông Thị Mai Phương- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05 và 07 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2020/TLPT-DS ngày 04 tháng 6 năm 2020, về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng, yêu cầu tuyên bố hợp đồng thế chấp bất động sản vô hiệu.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2020/DS-ST ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 03/2020/QĐ-PT ngày 05/8/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2020/QĐ-PT ngày 24/8/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng T; địa chỉ: Tháp B, số 35 H, phường L, quận H, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng T. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bế Văn A; chức vụ: Giám đốc Ngân hàng T - Chi nhánh L; địa chỉ: Số 29, đường L, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (theo Quyết định ủy quyền số 804/QĐ-BIDV ngày 22/8/2019 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng T). Vắng mặt.

Ông Hoàng Văn H; chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng T- Chi nhánh L; địa

chỉ: Số 29, đường L, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (theo quyết định ủy quyền số 631/QĐ-BIDV.LS ngày 12/9/2019 và Quyết định ủy quyền số 224/QĐ-BIDV.LS ngày 18/5/2020 của Giám đốc Ngân hàng T- Chi nhánh L); có mặt.

Ông Nguyễn Đình D, số Chứng minh nhân dân 001087009556 do Cục cảnh sát đăng ký quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư cấp ngày 08/12/1995 (theo quyết định ủy quyền số 224/QĐ-BIDV.LS ngày 18/5/2020 của Giám đốc Ngân hàng T- Chi nhánh L); có mặt

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1969, địa chỉ: Số 9/2, L, phường Hoàng Văn T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:* Ông Vũ Đình T, sinh năm 1976, địa chỉ: Khu T, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Vũ Đình T: Ông Phạm Thanh B và ông Phạm Quốc B, Luật sư Công ty Luật B, thuộc đoàn Luật sư thành phố H), địa chỉ: Phòng 306, tầng 3, Tòa nhà 8 L, quận B, thành phố H; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1968; địa chỉ: Số 24, ngõ 2, đường B, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

+ Chị Đỗ Thị Quỳnh A, sinh năm 1984; địa chỉ: Số 6/2 đường Lê Hồng P, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1978; địa chỉ: Khu T, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Ngọc: Ông Vũ Đình T, sinh năm 1976, địa chỉ: Khu T, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh (theo Giấy ủy quyền ngày 26/11/2019 của bà Nguyễn Thị N); có mặt.

+ Phòng Công chứng số 1 tỉnh B; địa chỉ: Số 124, Ngô Gia T, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Ngọc H - Trưởng Phòng Công chứng số 1 tỉnh B; vắng mặt.

- *Người kháng cáo*: Ông Vũ Đình T, là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn Ngân hàng T khởi kiện bà Nguyễn Thị T về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, yêu cầu tuyên bố hợp đồng thế chấp bất động sản vô hiệu.

Ý kiến trình bày của nguyên đơn do ông Hoàng Văn H và ông Nguyễn Đình D là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng:

Ngày 29/4/2016, Ngân hàng T - Chi nhánh L ký hợp đồng tín dụng số 01/2016/3052369/HĐTD với bà Nguyễn Thị T; số tiền vay là 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng); mục đích vay là để bổ sung vốn kinh doanh; thời hạn vay 11 tháng (từ ngày 29/4/2016 đến 29/3/2017); lãi suất thả nổi; lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn; lãi trả định kỳ vào ngày 20 hàng tháng (bắt đầu từ ngày 20/5/2016); gốc trả vào ngày 29/3/2017. Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên là quyền sử dụng đất của ông Vũ Đình T, diện tích đất 119,3m^2, thửa số 575, tờ bản đồ số 11 phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh B cấp ngày 02/12/2014 mang tên ông Vũ Đình H, sang tên ông Vũ Đình T ngày 23/12/2014 theo Hợp đồng thế chấp bằng bất đồng sản số 01/2016/6569368/HĐBĐ ngày 28/4/2016 giữa bên thế chấp là ông Vũ Đình T, bên nhận thế chấp là Ngân hàng T- Chi nhánh L và bên được bảo đảm là bà Nguyễn Thị T, Hợp đồng thế chấp được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định.

Ngày 29/4/2016, Ngân hàng hàng T - Chi nhánh L giải ngân số tiền 3.000.000.000đồng (ba tỷ đồng) theo Giấy ủy nhiệm chi của bà Nguyễn Thị T số tiền được chuyển vào tài khoản của bà Nguyễn Thị Q tại Ngân hàng C- Chi nhánh L. Quá trình vay vốn, bà Nguyễn Thị T chỉ trả lãi từ tháng 5/2016 đến tháng 12/2016. Ngày 29/3/2017 đến thời hạn trả gốc, bà Nguyễn Thị T không trả nợ gốc. Ngân hàng đã nhiều lần thông báo yêu cầu thanh toán nợ nhưng bà Nguyễn Thị T không thực hiện.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị T phải trả số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 10/6/2020, bà T còn nợ tổng cộng là 4.152.612.360đồng (bốn tỷ, một trăm năm mươi hai triệu, sáu trăm mười hai nghìn, ba trăm sáu mươi đồng). Trong đó: Số nợ gốc là 3.000.000.000đồng, nợ lãi trong hạn là 89.100.000đồng; nợ lãi quá hạn là 1.063.512.360đồng. Bà Nguyễn Thị T phải tiếp tục trả lãi kể từ ngày tiếp theo (11/6/2020) cho đến khi trả hết nợ gốc với lãi suất thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng. Trường hợp bà Nguyễn Thị T không trả được nợ, đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp bằng bất đồng sản số 01/2016/6569368/HĐBĐ ngày

28/4/2016, gồm quyền sử dụng đất diện tích 119,3m^2, thửa số 575, tờ bản đồ số 11 phường V, thành phố B và tài sản gắn liền với đất.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Việc ký kết Hợp đồng tín dụng giữa hai bên và việc thực hiện hợp đồng tín dụng đúng như Ngân hàng trình bày. Việc bà Nguyễn Thị T ký Hợp đồng tín dụng vay Ngân hàng số tiền 3.000.000.000 đồng là tự nguyện, tuy nhiên số tiền đó bà Nguyễn Thị T đứng ra vay giúp ông Vũ Đình T sử dụng làm nhà, thực tế bà Nguyễn Thị T không sử dụng. Trước đó, ông Vũ Đình T nhờ em của bà Nguyễn Thị T là bà N đứng tên vay Ngân hàng 2.000.000.000đồng (hai tỷ đồng), tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất của ông Vũ Đình T diện tích 119,3m^2, thửa số 575, tờ bản đồ số 11 phường Vũ N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Đến hạn trả nợ tháng 4/2016, ông Vũ Đình T nhờ chị Đỗ Thị Quỳnh A đáo hạn khoản nợ 2.000.000.000đồng và nhờ bà Nguyễn Thị T đứng tên trong Hợp đồng tín dụng vay giúp số tiền 3.000.000.000đồng. Số tiền 3.000.000.000 đồng được giải ngân vào tài khoản của bà Nguyễn Thị Q nhưng chị Đỗ Thị Quỳnh A mới là người nhận số tiền này. Bà Nguyễn Thị T đã cùng với ông Vũ Đình T đến nhà chị Đỗ Thị Quỳnh A để thanh toán tiền. Tại đây, sau khi trừ đi số tiền đã đáo hạn và các chi phí phát sinh chị Đỗ Thị Quỳnh A đưa lại cho ông Vũ Đình T một số tiền, cụ thể bao nhiêu bà Nguyễn Thị T không biết, theo yêu cầu của ông Vũ Đình T chị Quỳnh A có đưa cho bà Nguyễn Thị T 200.000.000 đồng để trả lãi ngân hàng và thực tế bà Nguyễn Thị T đã dùng số tiền đó và một số tiền của bà Nguyễn Thị T để nộp lãi mấy tháng đầu. Về sau ông Vũ Đình T không gửi tiền cho bà Nguyễn Thị T để nộp lãi nên bà Nguyễn Thị T không nộp lãi nữa. Bà Nguyễn Thị T chỉ quen biết chị Đỗ Thị Quỳnh A không quen biết bà Nguyễn Thị Q. Do thực tế bà Nguyễn Thị T không sử dụng tiền vay nên bà Nguyễn Thị T không đồng ý trả nợ cho Ngân hàng, ông Vũ Đình T là người sử dụng vốn vay phải có trách nhiệm trả khoản nợ cho Ngân hàng, trường hợp ông Vũ Đình T không trả nợ đề nghị Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Ông Vũ Đình T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N trình bày: Ông không vay tiền Ngân hàng và cũng không nhờ bà Nguyễn Thị T vay tiền hộ. Năm 2016, nể là chỗ làm ăn quen biết nên ông cho bà Nguyễn Thị T mượn GCNQSDĐ của ông để bà Nguyễn Thị T vay tiền Ngân hàng. Việc vay tiền theo Hợp đồng tín dụng giữa bà Nguyễn Thị T với Ngân hàng thực tế như thế nào, sử dụng tiền vào mục đích gì ông không biết. Bà Nguyễn Thị T là người vay thì phải có trách nhiệm trả nợ Ngân hàng.

Ngày 28/4/2016, ông tự nguyện ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của ông để bảo đảm cho bà Nguyễn Thị T vay tiền Ngân hàng, nhưng ông cho rằng

Hợp đồng thế chấp không đúng quy định pháp luật nên yêu cầu tuyên bố Hợp đồng thế chấp vô hiệu, vì: Hợp đồng thế chấp ghi năm 2015 được cấp GCNQSDĐ là sai, năm được cấp GCNQSDĐ là 2014; Hợp đồng thế chấp lưu ở Phòng công chứng có cả chữ ký và dấu vân tay của ông nhưng Hợp đồng thế chấp do Ngân hàng cung cấp trong hồ sơ vụ án chỉ có chữ ký, không có dấu vân tay của ông; một số văn bản liên quan thể hiện về ngôi nhà là tài sản gắn liền với đất thế chấp không thống nhất, có văn bản ghi là nhà 07 tầng, có văn bản ghi là 05 tầng là sai và mâu thuẫn, thực tế là nhà 06 tầng; quyền sử dụng đất là tài sản của riêng của ông nhưng ngôi nhà 06 tầng trên đất là tài sản chung của vợ chồng ông, vợ ông là bà Nguyễn Thị N không được ký vào Hợp đồng thế chấp; ngôi nhà 06 tầng xây dựng trên cả diện tích đất không thế chấp do ông và ông Vũ Đình T mua với UBND phường V chưa được cấp GCNQSDĐ; Ngân hàng không thực tế đến xem xét thẩm định, định giá tài sản thế chấp, ngày 28/4/2016 Ngân hàng không có mặt tại Phòng công chứng số 01 tỉnh Bắc Ninh để ký Hợp đồng thế chấp mà là đã ký sẵn và đóng dấu vào hợp đồng từ trước. Trường hợp bà Nguyễn Thị T không trả được nợ, ông không đồng ý cho xử lý nhà đất của ông vì Hợp đồng thế chấp vô hiệu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Nguyễn Thị Q trình bày: Bà và chị Đỗ Thị Quỳnh A có quan hệ quen biết vì cùng làm trong lĩnh vực giao dịch tiền. Khoảng tháng 4/2016, bà cho chị Đỗ Thị Quỳnh Anh mượn tài khoản của bà tại Ngân hàng T- Chi nhánh L để nhận số tiền 3.000.000.000đồng chuyển đến. Số tiền này ngay sau khi được chuyển vào tài khoản của bà thì chị Quỳnh A đã làm thủ tục đi rút toàn bộ số tiền đó, bà không được rút hay sử dụng số tiền trên. Bà không có quan hệ gì với chị Nguyễn Thị T, anh Vũ Đình T hay với Ngân hàng. Bà xác định không liên quan đến vụ án này, đề nghị Tòa án không triệu tập bà tham gia vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đỗ Thị Quỳnh A trình bày: Do quan biết nên bà Nguyễn Thị T đã giới thiệu chị đáo hạn Ngân hàng cho ông Vũ Đình T 01 lần. Đến tháng 4/2016, ông Vũ Đình T lại đặt vấn đề nhờ chị đáo hạn Ngân hàng đối với khoản vay 2.000.000.000đồng, chị đồng ý và đã đáo hạn cho ông Vũ Đình T, chị không biết ai đứng tên vay tiền trong hợp đồng tín dụng với Ngân hàng. Chị đã nhờ tài khoản của bà Nguyễn Thị Q để nhận số tiền 3.000.000.000đồng do Ngân hàng chuyển vào theo yêu cầu của khách vay. Ngày 29/4/2016, ngay sau khi tiền vào tài khoản của bà Nguyễn Thị Q, chị rút 3.000.000.000đồng về, sau khi trừ đi số tiền đáo hạn 2.000.000.000 đồng và các chi phí liên quan chị đã đưa số tiền còn lại cho ông Vũ Đình T tại nhà của chị, lúc đó có mặt bà Nguyễn Thị T. Chị xác định không liên quan đến vụ án và đề nghị Tòa án không triệu tập chị tham gia vụ án.

Phòng Công chứng số 1 tỉnh Bắc Ninh do ông Đào Ngọc H là người đại diện theo pháp luật trình bày: Ngày 28/4/2016, Phòng Công chứng số 1 tỉnh Bắc Ninh đã thực hiện công chứng Hợp đồng thế chấp bằng bất đồng sản số 01/2016/6569368/HĐBĐ giữa bên thế chấp là ông Vũ Đình T, bên nhận thế chấp là Ngân hàng, bên được bảo đảm là bà Nguyễn Thị T. Việc thực hiện công chứng hợp đồng thế chấp được thực hiện đúng quy định pháp luật, người yêu cầu công chứng là ông Vũ Đình T hoàn toàn tự nguyện, có đầy đủ giấy tờ thông tin về cá nhân hợp pháp, tài sản đủ điều kiện thế chấp. Tài sản thế chấp chỉ là quyền sử dụng đất và đất đó là tài sản riêng của ông Vũ Đình T nên chỉ có ông Vũ Đình T ký, vợ ông Vũ Đình T là bà Nguyễn Thị N không ký Hợp đồng thế chấp. Việc Hợp đồng thế chấp ghi sai năm được cấp GCNQSDĐ chỉ là lỗi kỹ thuật, không ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của người tham gia giao kết hợp đồng. Hợp đồng thế chấp không bắt buộc phải ký đồng thời với điểm chỉ, người yêu cầu công chứng ký tên là hợp lệ. Thực tế Công chứng viên đã đề nghị người yêu cầu công chứng ký và điểm chỉ vào 01 bản Hợp đồng thế chấp để xác định có đúng người yêu cầu công chứng theo giấy tờ tùy thân hay không, Hợp đồng này được lưu tại Phòng công chứng, các Hợp đồng còn lại chỉ có chữ ký không có dấu vân tay của ông T không ảnh hưởng tới tính hợp lệ, hợp pháp của văn bản công chứng. Phòng Công chứng không nhất trí với yêu cầu độc lập của ông Vũ Đình T về việc tuyên bố Hợp đồng thế chấp vô hiệu và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 03/2020/KDTM-ST, ngày 17-6-2020, về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng, yêu cầu tuyên bố hợp đồng thế chấp bất động sản vô hiệu của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40; khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 121, 122, 281, 290, 302, 323, 342, 343, 355, 401, 402, 471, 500, 502 và các điều từ Điều 715, đến Điều 721 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 325 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 167, Điều 188 Luật Đất đai năm 2013; Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2, 6 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T

Buộc bà Nguyễn Thị T phải trả Ngân hàng T số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (10/6/2020) đã làm tròn là 4.152.612.000đồng (bốn tỷ, một trăm năm

mươi hai triệu, sáu trăm mười hai nghìn đồng). Trong đó: nợ gốc là 3.000.000.000đồng (ba tỷ đồng), nợ lãi trong hạn là 89.100.000 đồng (tám mươi chín triệu, một trăm nghìn đồng); nợ lãi quá hạn là 1.063.512.000đồng (một tỷ, không trăm sáu mươi ba triệu, năm trăm mười hai nghìn đồng).

Kể từ ngày 11/6/2020, bà Nguyễn Thị T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 01/2016/3052369/HĐTD ngày 29/4/2016 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông Vũ Đình T.

Tuyên bố nội dung thỏa thuận về "các tài sản gắn liền với đất thế chấp do bên thế chấp đầu tư, tạo lập trước, trong khi thế chấp tại Mục 2 Điều 2 Hợp đồng thế chấp bằng bất động sản số 01/2016/6569368/HĐBĐ ngày 28/4/2016 giữa ông Vũ Đình T, Ngân hàng T và bà Nguyễn Thị T vô hiệu. Các nội dung khác của Hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật.

3. Trường hợp bà Nguyễn Thị T không thực hiện hoặc không thanh toán xong khoản nợ phải trả theo khoản 1 của Quyết định Bản án thì Ngân hàng T có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 119,3m^2, thửa số 575, tờ bản đồ số 11 phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh, GCNQSDĐ số BU 881824 do UBND thành phố B, tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 02/12/2014 cho ông Vũ Đình H, đăng ký biến động sang tên ông Vũ Đình T ngày 23/12/2014 và tài sản gắn liền với đất thế chấp để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp bằng bất đồng sản số 01/2016/6569368/HĐBĐ ngày 28/4/2016 giữa ông Vũ Đình T, Ngân hàng T- Chi nhánh L và bà Nguyễn Thị T.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Trong thời hạn luật định người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Ông Vũ Đình T; kháng cáo đối với bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 03/2020/KDTM-ST ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn.

Ông Vũ Đình T đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm, tuyên bố Hợp đồng thế chấp bằng bất đồng sản số 01/2016/6569368/HĐBĐ ngày 28/4/2016 giữa ông Vũ Đình T, Ngân hàng T- Chi nhánh L và bà Nguyễn Thị T vô hiệu.

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn kháng nghị đối với bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 03/2020/KDTM-ST ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn. Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số

32/QĐKNPT-VKS-KDTM ngày 16/7/2020 đối với Bản án sơ thẩm số 03/2020-KDTM-ST ngày 17/6/2020 của TAND thành phố Lạng Sơn đã vi phạm về thủ tục tố tụng; cụ thể bản án sơ thẩm có sự mâu thuẫn giữa phần nhận định và quyết định của bản án làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự; ngoài ra bản án sơ thẩm không nhận định và quyết định về chi phí tố tụng là thiếu xót. Đề nghị TAND tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm theo hướng sửa một phần bản án kinh doanh thương mại số 03/2019-KDTM-ST ngày 17/6/2020 của TAND thành phố Lạng Sơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Vũ Đình T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Tòa án sửa một phần Bản án sơ thẩm, tuyên bố Hợp đồng thế chấp bằng bất động sản số 01/2016/6569368/HĐBĐ ngày 28/4/2016 giữa ông Vũ Đình T, Ngân hàng T- Chi nhánh L và bà Nguyễn Thị T vô hiệu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án như sau:

- Hội đồng xét xử: tiến hành tố tụng theo quy định; phạm vi xét xử phúc thẩm theo quy định tại các Điều 64; Điều 293, Điều 297, Điều 298 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Thư ký thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định Điều 51 BLTTDS.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng:

+ Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt là thực hiện quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại khoản 16 Điều 70 BLTTDS; đối với người vắng mặt không có lý do là chưa thực hiện đúng quy định tại khoản 16 Điều 70 BLTTDS.

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định Điều 76 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định Điều 86 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Giải quyết kháng cáo, kháng nghị của Viện kiểm sát

2.1. Nhận xét kháng cáo, kháng nghị:

Trong thời hạn luật định ông Vũ Đình T kháng cáo, việc kháng cáo hợp lệ, được Tòa án chấp nhận; thời hạn kháng nghị phúc thẩm theo đúng quy định Điều 280 BLTTDS.

2.2. ***Đối với nội dung kháng cáo của ông Vũ Đình T:***

Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm tuyên bố hợp đồng thế chấp vô hiệu. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, thấy như sau: Ngày 28/4/2016 giữa ông Vũ Đình T (bên thế chấp) và Ngân hàng BIDV chi nhánh L (bên nhận thế chấp) ký Hợp đồng thế chấp (HĐTC) bằng bất động sản số 01/2016/6569368/HĐBĐ để bảo đảm cho bà Nguyễn Thị T vay tiền tại Ngân hàng

BIDV chi nhánh L, HĐTC được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định thế chấp, tại Điều 2. Tài sản thế chấp gồm:

1. QSDĐ của bên thế chấp theo GCNQSDĐ QSHNO và tài sản khác gắn liền với đất số BU 881824, số vào sổ cấp GCN CH01722 do UBND thành phố B cấp ngày 02/12/2015, thửa đất số 575, tờ bản đồ số 11, tại phường V, TP B, tỉnh Bắc Ninh, diện tích 119,3m^2, hình thức sử dụng riêng, đất ở đô thị, thời hạn sử dụng lâu dài.

2. Các tài sản, quyền sử dụng và lợi ích sau cũng thuộc tài sản thế chấp: Các tài sản do bên thế chấp đầu tư, tạo lập trước và trong khi thế chấp; vật phụ của tài sản thế chấp; tiền và tài sản đền bù, BTTH, bảo hiểm phát sinh từ tài sản thế chấp. Đồng thời, ông T có đơn yêu cầu đăng ký thế chấp đối với QSDĐ theo quy định.

Như vậy, ông Vũ Đình T là bên thế chấp đã tự nguyện thế chấp QSDĐ và các tài và tài sản gắn liền với QSDĐ do ông đầu tư, tạo lập trước và trong khi thế chấp để bảo đảm cho bà T vay tiền tại Ngân hàng BIDV chi nhánh L, trong HĐTC đại diện bên thế chấp và đại diện bên được thế chấp có ghi: Đã đọc kỹ hợp đồng và đồng ý, đồng thời tại Văn bản cam kết lập ngày 28/4/2016 tại Văn phòng công chứng số 1 tỉnh Bắc Ninh (BL 129) ông T tự nguyện cạm kết: Trong trường hợp bà T không trả hoặc không trả được khoản vay theo Hợp đồng tín dụng mà bà Thúy đã ký kết với Ngân hàng thì ông T cam kết khi ngân hàng xử lý tài sản được xử lý cả nhà và đất. Do đó, ông T yêu cầu tuyên bố hợp đồng thế chấp vô hiệu là không có căn cứ chấp nhận, cần bác kháng cáo.

2.3. Đối với Quyết định kháng nghị số 32/QĐKNPT-VKS-KDTM ngày 16/7/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, theo hướng sửa một phần bản án sơ thẩm:

Theo hợp đồng tín dụng số 01/2016/3052369/HĐTD ngày 29/4/2016 giữa Ngân hàng BIDV chi nhánh L với bà Nguyễn Thị T vay 3.000.000.000đ (Ba tỷ đồng), mục đích bổ sung vốn kinh doanh, thời hạn vay 11 tháng (Từ 29/4/2016 đến 29/3/2017). Để đảm bảo cho khoản vay này, ngày 29/4/2014 bên thế chấp là ông Vũ Đình T, bên được bảo đảm bà Nguyễn Thị T và bên nhận thế chấp là Ngân hàng BIDV chi nhánh L đã ký Hợp đồng thế chấp (HĐTC) bằng bất động sản số 01/2016/6569368/HĐBĐ để bảo đảm cho bà T vay tiền tại Ngân hàng BIDV chi nhánh L, tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất thửa số 575, tờ bản đồ số 11, phường V, thành phố B, diện tích 119, được UBND thành phố B cấp GCNQSDĐ cho ông Vũ Đình T đứng tên; các tài sản do bên thế chấp đầu tư, tạo lập trước và trong khi thế chấp. HĐTC được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định thế chấp.

Như vậy, ngoài việc thế chấp quyền sử dụng đất là tài sản của ông T, ông còn thế chấp tài sản gắn liền với đất là tài sản chung vợ chồng tạo lập trong thời kỳ hôn, nên HĐTC vô hiệu một phần tài sản trên đất đối với phần tài sản của vợ ông Thìn là có căn cứ.

Tuy nhiên, tại phần [6] của bản án sơ thẩm, nhận định: Chỉ Mục 2, Điều 2 của Hợp đồng thế chấp là không có hiệu lực pháp luật, tuyên bố nội dung: "*Các tài sản gắn liền với tài sản thế chấp do bên thế chấp đầu tư, tạo lập trước, trong khi*

thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp" là vô hiệu, nhưng tại phần [8] của bản án sơ thẩm lại nhận định cho rằng Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý các tài sản gắn liền với đất để thu hồi nợ và Mục 3 trong phần quyết định của bản án sơ thẩm đã quyết định Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý đối với tài sản gắn liền với đất thế chấp là mâu thuẫn, không thi hành án được.

Mặt khác, tài sản trên đất gắn liền với tài sản thế chấp là tài sản chung của vợ chồng ông Thìn, bà Ngọc, được hình thành trong thời kỳ hôn nhân, do đó việc nhận định và quyết định như bản án sơ thẩm là làm ảnh hưởng quyền lợi của các đương sự.

Ngoài ra, trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án sơ thẩm tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ theo yêu cầu của nguyên đơn (Ủy thác thu thập chứng cứ), đã chi phí cho việc xem xét thẩm định tại chỗ nhưng bản án sơ thẩm không nhận định và quyết định về chi phí tố tụng là thiếu sót. Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn tự nguyện chịu, do đó đề nghị ghi nhận sự tự nguyện của đương sự.

Từ những nội dung phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp kháng cáo của người liên quan yêu cầu độc lập yêu cầu tuyên bố hợp đồng thế chấp vô hiệu;

Đối với kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát, đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự xử sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2020/KDTM-ST ngày 17/6/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn.

Về án phí phúc phẩm, do kháng cáo không được chấp nhận, ông Thìn phải chịu án phí phúc thẩm để sung quỹ nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Q, chị Đỗ Thị Quỳnh A và Văn phòng Công chứng số 1 tỉnh Bắc Ninh và bị đơn bà Nguyễn Thị T nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Ông Vũ Đình T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xử sửa một phần bản án sơ thẩm, tuyên bố Hợp đồng thế chấp bằng bất đồng sản số 01/2016/6569368/HĐBĐ ngày 28/4/2016 giữa ông Vũ Đình T với Ngân hàng T- Chi nhánh L và bà Nguyễn Thị T vô hiệu.

[3] Ý kiến người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Q thừa nhận bà và chị Đỗ Thị Quỳnh A có quan hệ quen biết vì cùng làm trong lĩnh vực giao dịch tiền do đó khoảng tháng 4/2016, bà Q cho chị Đỗ Thị Quỳnh A mượn tài khoản của bà Q tại Ngân hàng T để nhận số tiền 3.000.000.000 đồng chuyển đến. Số tiền này ngay sau khi được chuyển vào tài khoản của bà thì chị Quỳnh A làm thủ tục đi rút toàn bộ số tiền đó, bà không được rút hay sử dụng số tiền trên. Bà

không có quan hệ gì với chị Nguyễn Thị T, anh Vũ Đình T hay với Ngân hàng; bà Q xác định không liên quan đến vụ án được các đương sự thừa nhận.

[4] Ý kiến của chị Đỗ Thị Quỳnh A thừa nhận do quen biết nên Nguyễn Thị T giới thiệu chị đã đáo hạn Ngân hàng cho ông Vũ Đình T 01 lần. Đến tháng 4/2016, ông Vũ Đình T lại đặt vấn đề nhờ chị đáo hạn Ngân hàng đối với khoản vay 2.000.000.000 đồng, chị đồng ý và đã đáo hạn cho ông Vũ Đình T, chị không biết ai đứng tên vay tiền trong hợp đồng tín dụng với Ngân hàng. Chị đã nhờ tài khoản của bà Nguyễn Thị Q để nhận số tiền 3.000.000.000 đồng do Ngân hàng chuyển vào theo yêu cầu của khách vay. Ngày 29/4/2016, ngay sau khi tiền vào tài khoản của bà Nguyễn Thị Q, chị rút 3.000.000.000 đồng về, sau khi trừ đi số tiền đáo hạn 2.000.000.000 đồng và các chi phí liên quan chị đã đưa số tiền còn lại cho ông Vũ Đình T tại nhà của chị, khi đó có mặt bà Nguyễn Thị T; chị Đỗ Thị Quỳnh A không biết việc thế chấp vay tiền ngân hàng thế nào, việc này đã được các đương sự thừa nhận.

[5] Bà Nguyễn Thị T thừa nhận việc ký kết Hợp đồng tín dụng giữa hai bên và việc thực hiện hợp đồng tín dụng đúng như Ngân hàng trình bày, bà Nguyễn Thị T ký Hợp đồng tín dụng vay Ngân hàng số tiền 3.000.000.000 đồng, ông Vũ Đình T đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông để bảo đảm cho bà Nguyễn Thị T vay tiền Ngân hàng vào ngày 28/4/2016. Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị T, chị Đỗ Thị Quỳnh A, bà Nguyễn Thị Q không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị, nên không thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm.

[6] Xét kháng cáo của ông Vũ Đình T thấy rằng: Ông Vũ Đình T không đứng tên trên Hợp đồng tín dụng vay tiền Ngân hàng, ông T cho rằng ông không nhờ bà Nguyễn Thị T vay tiền hộ; việc vay tiền theo Hợp đồng tín dụng giữa bà Nguyễn Thị T với Ngân hàng thực tế như thế nào, sử dụng tiền vào mục đích gì ông không biết; bà Nguyễn Thị T là người vay thì phải có trách nhiệm trả nợ Ngân hàng, nhưng năm 2016, nể là chỗ làm ăn quen biết nên ông cho bà Nguyễn Thị T mượn GCNQSDĐ của ông để bà Nguyễn Thị T vay tiền Ngân hàng, ông Vũ Đình T cũng thừa nhận ông tự nguyện ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông để bảo đảm cho bà Nguyễn Thị T vay tiền Ngân hàng vào ngày 28/4/2016. Về vấn đề ông Vũ Đình T nêu đã rõ ràng vì Ngân hàng T- Chi nhánh L khởi kiện bà Nguyễn Thị T phải trả khoản tiền vay, nợ theo Hợp đồng tín dụng vay tiền Ngân hàng mà bà T chưa thanh toán, trong đó ông Vũ Đình T là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan do ông ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông để bảo đảm cho bà Nguyễn Thị T vay tiền Ngân hàng vào ngày 28/4/2016; trường hợp bà T không trả nợ được cho Ngân hàng thì sẽ ảnh hưởng đến quyền lợi của ông. Như vậy, ông Vũ Đình T kháng cáo để bảo vệ quyền lợi của ông là đúng phạm vi và quyền của người kháng cáo.

[7] Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa sơ, phúc thẩm ông Vũ Đình T đều thừa nhận ông tự nguyện ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông để bảo đảm cho bà Nguyễn

Thị T vay tiền Ngân hàng vào ngày 28/4/2016, nhưng ông cho rằng Hợp đồng thế chấp không đúng quy định pháp luật nên yêu cầu tuyên bố Hợp đồng thế chấp vô hiệu, vì: Hợp đồng thế chấp ghi sai năm cấp GCNQSDĐ; Hợp đồng thế chấp lưu ở Phòng công chứng có cả chữ ký và dấu vân tay của ông nhưng Hợp đồng thế chấp do Ngân hàng cung cấp trong hồ sơ vụ án chỉ có chữ ký, không có dấu vân tay của ông; một số văn bản liên quan thể hiện về ngôi nhà là tài sản gắn liền với đất thế chấp không thống nhất, mâu thuẫn. Quyền sử dụng đất là tài sản của riêng của ông nhưng ngôi nhà 06 tầng trên đất là tài sản chung của vợ chồng ông, vợ ông là bà Nguyễn Thị N không được ký vào Hợp đồng thế chấp; ngôi nhà 06 tầng xây dựng trên cả diện tích đất không thế chấp do ông và ông Vũ Đình T mua với UBND phường Vũ Ninh chưa được cấp GCNQSDĐ; Ngân hàng không thực tế đến xem xét thẩm định, định giá tài sản thế chấp, ngày 28/4/2016 Ngân hàng không có mặt tại Phòng công chứng số 01 tỉnh Bắc Ninh để ký Hợp đồng thế chấp mà là đã ký sẵn và đóng dấu vào hợp đồng từ trước. Trường hợp bà Nguyễn Thị T không trả được nợ, ông không đồng ý cho xử lý nhà đất của ông vì Hợp đồng thế chấp vô hiệu.

[8] Hội đồng xét xử thấy rằng tài sản trên đất là ngôi nhà 6 tầng là tài sản chung của vợ chồng ông Vũ Đình T tạo dựng trên diện tích đất của riêng ông T, ngoài ra không có người khác góp vốn tạo dựng; như vậy, ông T có một tỷ phần đối với ngôi nhà xây dựng trên đất nên ông T có quyền định đoạt đối với tỷ phần của ông; do đó việc bản án sơ thẩm nhận định tại mục [6]. Chỉ mục 2 Điều 2 Hợp đồng thế chấp có nội dung "*các tài sản gắn liền với tài sản thế chấp do bên thế chấp đầu tư, tạo lập trước và trong khi thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp"* là không có hiệu lực pháp luật là không phù hợp, bởi ông T chỉ đưa vào Hợp đồng thế chấp "*các tài sản gắn liền với tài sản thế chấp do bên thế chấp đầu tư, tạo lập trước và trong khi thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp"* ông Thìn không hề đưa phần tài sản không thuộc phần của ông vào thế chấp, cho nên trường hợp bà Nguyễn Thị T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý đối với tài sản gắn liền với đất thế chấp là quyền sử dụng đất 119,3m2, thửa 575, tờ bản đồ số 11 phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh, GCNQSDĐ số BU 881824 do UBND thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 02/12/2014 cho ông Vũ Đình H, đăng ký biến động sang tên ông Vũ Đình T ngày 23/12/2014 và tỷ phần của ông T được hưởng đối với tài sản gắn liền với đất là ngôi nhà 6 tầng mà ông Thìn đã thế chấp để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp bằng bất động sản số 01/2016/6569368/HĐBĐ ngày 28/4/2016 giữa ông Vũ Đình T, Ngân hàng T- Chi nhánh L và bà Nguyễn Thị T. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định và quyết định không phù hợp, đã đưa cả tỷ phần thuộc sở hữu của bà Nguyễn Thị N là vợ ông T không thuộc tài sản thế chấp để xử lý làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của bà Nguyễn Thị N. Do đó có cơ sở để chấp nhận kháng nghị của Viện Kiểm sát chỉnh sửa lại phần này của án sơ thẩm.

[9] Việc ông Vũ Đình T cho rằng Hợp đồng thế chấp lưu ở Phòng công chứng có cả chữ ký và dấu vân tay của ông nhưng Hợp đồng thế chấp do Ngân hàng cung cấp trong hồ sơ vụ án chỉ có chữ ký, không có dấu vân tay của ông; một số văn bản liên quan thể hiện về ngôi nhà là tài sản gắn liền với đất thế chấp không thống nhất, mâu thuẫn. Việc này đã được ông Đào Văn H,người đại diện theo pháp luật của Văn phòng công chứng số 1 tỉnh Bắc Ninh khẳng định: Việc Hợp đồng thế chấp ghi sai năm được cấp GCNQSDĐ chỉ là lỗi kỹ thuật, không ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của người tham gia giao kết hợp đồng; hợp đồng thế chấp không bắt buộc phải ký đồng thời với điểm chỉ, người yêu cầu công chứng ký tên là hợp lệ. Thực tế Công chứng viên đã đề nghị người yêu cầu công chứng ký và điểm chỉ vào 01 bản Hợp đồng thế chấp để xác định có đúng người yêu cầu công chứng theo giấy tờ tùy thân hay không, Hợp đồng này được lưu tại Phòng công chứng, các Hợp đồng còn lại chỉ có chữ ký không có dấu vân tay của ông T không ảnh hưởng tới tính hợp lệ, hợp pháp của văn bản công chứng. Văn phòng công chứng số 1 tỉnh Bắc Ninh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

[10] Về chi phí tố tụng: Tại biên bản giao nhận tiền và danh sách chi tiền xem xét thẩm định tại chỗ cùng ngày 17/01/2020 Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh là đơn vị nhận ủy thác của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn thể hiện đã giao nhận số tiền 3.000.000đồng với đại diện Ngân hàng T- Chi nhánh L và đã chi hết số tiền trên, nhưng bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn khi giải quyết vụ án đã không nhận định và quyết định về khoản chi phí tố tụng này là thiếu xót ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của đương sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, phía Ngân hàng T- Chi nhánh L tự nguyện chịu khoản chi phí đó, nên Tòa ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng T- Chi nhánh L để chỉnh sửa phần thiếu xót đã nêu của cấp sơ thẩm.

[11] Từ những phân tích và đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Vũ Đình T kháng cáo bản án sơ thẩm, nhưng ông T không cung cấp được tài liệu chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Vũ Đình T.

[12] Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[13] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Vũ Đình T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; xác nhận ông Vũ Đình T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2015/0002325 ngày 06-7-2020 tại Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; Điều 309; khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40; khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 121, 122, 281, **290,** 302, 323, 342, 343, 355, 401, 402, 471, 500, 502 và các điều từ Điều 715, đến Điều 721 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 325 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 167, Điều 188 Luật Đất đai năm 2013; Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2, 6 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là ông Vũ Đình Thìn; chấp nhận kháng nghị số 32/QĐKNPT-VKS-KDTM ngày 16/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn, sửa án sơ thẩm cụ thể; Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T

Buộc bà Nguyễn Thị T phải trả Ngân hàng T số tiền nợ gốc là 3.000.000.000đồng (ba tỷ đồng) và tiền nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (10/6/2020), trong đó nợ lãi trong hạn là 89.100.000 đồng (tám mươi chín triệu, một trăm nghìn đồng); nợ lãi quá hạn là 1.063.512.000đồng (một tỷ, không trăm sáu mươi ba triệu, năm trăm mười hai nghìn đồng).

Kể từ ngày 11/6/2020, bà Nguyễn Thị T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 01/2016/3052369/HĐTD ngày 29/4/2016 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

2. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Vũ Đình T về việc yêu cầu tuyên bố Hợp đồng thế chấp bằng bất đồng sản số 01/2016/6569368/HĐBĐ ngày 28/4/2016 giữa ông Vũ Đình T, Ngân hàng Tvà bà Nguyễn Thị T vô hiệu.

3. Trường hợp bà Nguyễn Thị T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng T có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 119,3m^2, thửa số 575, tờ bản đồ số 11 phường Vũ Ninh, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh, GCNQSDĐ số BU 881824 do UBND thành phố B, tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 02/12/2014 cho ông Vũ Đình H, đăng ký biến động sang tên ông Vũ Đình T ngày 23/12/2014 và phần tài sản gắn liền với đất thế chấp thuộc sở hữu của ông Vũ Đình T để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp bằng bất đồng sản số 01/2016/6569368/HĐBĐ ngày 28/4/2016 giữa ông Vũ Đình T, Ngân hàng T- Chi nhánh Lvà bà Nguyễn Thị T.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về chi phí tố tụng: Ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng T tự chịu chi phí tố tụng là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng); xác nhận Ngân hàng T đã nộp đủ.

5. Về án phí: Ông Vũ Đinh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm; xác nhận ông Vũ Đình T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2015/0002325 ngày 06-7-2020 tại Chi cục thi hành án Dân sự thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

6. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (07/9/2020).

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND thành phố Lạng Sơn;
- CCTHDS thành phố Lạng Sơn
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa dân sự; HCTP; KTNV&THA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Xuân Sơn